

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2019/DS-ST

Ngày 05/8/2019.

V/v: Tranh chấp quyền sở hữu tài sản
(tiền bồi thường về đất).

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Công Điện

Bà Võ Như Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2018/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp quyền sở hữu tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **29/2019/QĐXXST-DS ngày 22/7/2019** giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lư Hiếu H

Địa chỉ: số A, đường LTK, phường L, quận CR, Thành phố C

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1958.
Địa chỉ: ấp TL, xã T, huyện P, tỉnh H. Là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn. Có mặt

- Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T. Có mặt

Bà Nguyễn Thị Bé H. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: ấp TL, xã T, huyện P, tỉnh H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân huyện P

Địa chỉ: ấp ML, thị trấn C, huyện P, tỉnh H.

Người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Trương Thanh B. Chức vụ: Phó phòng Phòng TN và MT huyện P. Địa chỉ: ấp ML, thị trấn C, huyện P, tỉnh H. Là người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình thu thập chứng cứ bà Nguyễn Thị L là đại diện nguyên đơn trình bày: Vào năm 1976 bà Ngô Ngọc L1 (mẹ ruột ông Lư Hiếu H) có nhận chuyển nhượng của cụ Đặng Văn S (ông nội của ông T) phần đất có diện tích 875m². Đến năm 1978 bà kết hôn với ông H và được bà L1 để toàn bộ phần đất này cho bà và ông H sử dụng cất nhà ở tại đây. Đến năm 1980 do làm ăn khó khăn nên ông H chuyển đến nơi khác sinh sống. Đến năm 1989 do có mâu thuẫn vợ chồng nên bà và ông H ly hôn, sau đó bà về bên mẹ ruột sinh sống. Do không có người trông coi nên vợ chồng ông T lấn chiếm sử dụng phần đất nêu trên, đến năm 1992 bà mới phát hiện và phát sinh tranh chấp kể từ đó đến nay, sự việc qua nhiều lần giải quyết đến năm 2009 thì được Toà án tỉnh H xét xử phúc thẩm và công nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông T với diện tích đo đạc thực tế là 703,5m², sau đó vợ chồng ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 18/5/2010 theo bản án phúc thẩm. Ông H tiếp tục khiếu nại giám đốc thẩm, trong thời gian đợi giải quyết thì phần đất nêu trên bị thu hồi một phần có diện tích là 103,3m² với số tiền bồi thường là 47.107.000 đồng cho gia đình ông T. Kết quả giải quyết Giám đốc thẩm đã huỷ cả hai bản án sơ thẩm và phúc thẩm trước đó. Đến khi Toà án nhân dân tỉnh H xử phúc thẩm lần thứ hai tại bản án số 94/2016/DS-PT ngày 30/5/2016 đã công nhận phần đất mà vợ chồng ông T đang sử dụng thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Lư Hiếu H và buộc vợ chồng ông T phải giao trả lại cho ông H toàn bộ phần đất đã chiếm trước đây. Do phần đất 103,3m² đã bị thu hồi nên chưa được giải quyết trong bản án số 94/2016/DS-PT và hiện tại số tiền bồi thường Uỷ ban nhân dân huyện P đang quản lý. Vì vậy bà yêu cầu Toà án công nhận cho ông Lư Hiếu H được quyền sở hữu phần tiền bồi thường đất nêu trên.

Quá trình thu thập chứng cứ bị đơn ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị Bé H trình bày: Nguồn gốc phần đất vợ chồng ông sử dụng bị tranh chấp từ trước đến nay có được là do cụ Nguyễn Văn H1 (cha của ông) thuê lại đất của ông Phủ Thiết từ năm 1956 – 1964, sau đó cụ H1 đón vợ chồng cụ Đặng Văn S (ông nội của ông) từ nơi khác về ở chung và sử dụng, đến năm 1977 thì bà Ngô Thị L1 đến hỏi ông H1 cho con bà L1 ở nhờ trên phần đất. Đến năm 1990 thì ông H1 cho lại phần đất này cho vợ chồng ông sử dụng cho đến nay. Quá trình sử dụng ông bà đã được cấp chứng nhận quyền sử dụng phần đất nêu trên tại 02 thửa 251, 252 vào ngày 18/5/2010. Đến năm 2014 thì phần đất bị thu hồi một phần để mở lộ với diện tích là 103,3m² do lúc thu hồi đất thì chỉ người đứng tên trên quyền sử dụng đất mới được bồi thường về đất và quyết định của Uỷ ban nhân dân thu hồi và bồi thường đất cho gia đình ông với số tiền là 47.107.000 đồng, đến nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông không

bị cơ quan có thẩm quyền nào thu hồi hoặc huỷ giấy nên ông vẫn là người sử dụng hợp pháp vì vậy vợ chồng ông không thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của ông Lư Hiếu H do bà Nguyễn Thị L làm đại diện.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban dân huyện P do ông Trương Thanh B làm đại diện trình bày: Vào năm 2014 Ủy ban nhân dân huyện P ban hành quyết định số 4264/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 thu hồi phần đất mà ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Bé H đang sử dụng có diện tích 103,3m² thuộc 02 thửa 251, 252 tờ bản đồ số 02 với số tiền bồi thường là 47.107.000 đồng. Trong quá trình phê duyệt thì phần đất này bị tranh chấp nên phần tiền bồi thường này Ủy ban nhân dân huyện P chưa chi trả cho ai. Ủy ban nhân dân huyện P sẽ chi trả cho ai được công nhận bằng bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên toà: Bà Nguyễn Thị L đại diện nguyên đơn phát biểu giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Bé H vẫn giữ như yêu cầu trước đây. Đại diện Ủy ban nhân dân huyện Phụng Hiệp có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phát biểu:

- Về tố tụng: Việc thu thập chứng cứ từ khi thụ lý vụ án của Thẩm phán, mở và điều khiển phiên toà của Hội đồng xét xử tại phiên toà là tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lư Hiếu H do bà Nguyễn Thị L làm đại diện. Công nhận cho ông H được quyền sở hữu số tiền bồi thường đối với phần đất bị thu hồi có diện tích là 103,3m² với số tiền là 47.107.000 đồng và buộc bà Bé H, ông T chịu án phí theo quy định pháp luật. Hoàn trả cho ông H tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp. Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, lời khai của bị đơn Toà xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp cần phải giải quyết trong vụ án là tranh chấp quyền sở hữu tài sản quy định tại **khoản 2 Điều 26** Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết. Đối tượng tranh chấp là số tiền bồi thường xảy ra trên địa bàn xã T, huyện P, tỉnh H. Theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Phụng Hiệp.

Về nội dung tranh chấp:

[1]. Đối với phần đất có diện tích 103,3m² thuộc 02 thửa 251, 252 tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp TL, xã T, huyện P, tỉnh H bị thu hồi với số tiền 47.107.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy vào năm 2014 Ủy ban nhân dân huyện Phụng Hiệp ban hành

quyết định thu hồi đất để mở rộng Quốc lộ 1A giai đoạn 2 và áp giá bồi thường với số tiền 47.107.000 đồng đối với hộ ông Nguyễn Ngọc T có đất nằm trong khu vực thu hồi với diện tích là 103,3m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00131 và CH00132 cấp ngày 18/5/2010 thuộc 02 thửa 251, 252 tờ bản đồ số 02, trong quá trình đợi phê duyệt thì xảy ra tranh chấp với ông Lư Hiếu H nên hiện tại phần tiền này Ủy ban nhân dân P chưa chi trả cho ai. Nguyên nhân tranh chấp là do trước đây ông Lư Hiếu H có khởi kiện vợ chồng ông T để yêu cầu trả lại phần đất đã chiếm với diện tích là 875m² đến ngày 13/6/2009 thì được Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm, đến ngày 12/8/2009 thì được Tòa án nhân dân tỉnh H xét xử phúc thẩm và công nhận phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế có diện tích là 703,5m² cho vợ chồng ông T được sử dụng, không đồng ý nên ông H làm đơn khiếu nại Giám đốc thẩm trong quá trình đợi giải quyết thì ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00131 và CH00132 cấp ngày 18/5/2010 theo bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh H đang có hiệu lực pháp luật. Đến năm 2012 thì Tòa án nhân dân tối cao ban hành bản án giám đốc thẩm với nội dung huỷ cả 02 bản án sơ thẩm và phúc thẩm vào năm 2009 của Tòa án Phụng Hiệp và Tòa án tỉnh H, giao hồ sơ về Tòa án huyện Phụng Hiệp giải quyết lại theo quy định. Trong quá trình chờ giải quyết lại lần 2 thì gia đình ông T bị thu hồi phần đất như đã nêu trên.

Tại Công văn số 24/P.TNMT ngày 13/7/2012 của Phòng TN và MT huyện P xác định: Theo hồ sơ trích lục tại Trung tâm công nghệ thông tin tỉnh H tại vị trí thửa 105, diện tích 875m², loại đất LNK, tờ bản đồ 01, toạ lạc tại ấp TL, xã T, huyện P, tỉnh H do ông Lư Hiếu H đăng ký sổ mục kê ruộng đất lập ngày 07/5/1984. Năm 1985 huyện P chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không có sổ địa chính. Qua đối chiếu giữa hai hệ thống, bản đồ 299 cũ và bản đồ 205 năm 2000 thì vị trí thửa 105, tờ bản đồ số 01, toạ lạc tại ấp TL, xã T, huyện P, tỉnh H theo hệ thống bản đồ 299 chính là vị trí thửa 251, 252, tờ bản đồ số 02, toạ lạc ấp TL, xã T, huyện P, tỉnh H mà ông Nguyễn Ngọc T đăng ký vào năm 2000. Ngoài ra theo sổ đăng ký ruộng đất năm 1985 thể hiện trên bản đồ 299 thì ông Nguyễn Văn H1 (cha ông T) đứng tên trên các thửa 68, 69, 70 nên việc ông T cho rằng ông được ông H1 cho phần đất sử dụng thuộc thửa 105 (thửa 251, 252 hiện nay) là không có cơ sở.

Đến năm 2016 thì Tòa án nhân dân tỉnh H xét xử phúc thẩm lần hai tại bản án số 94/2016/DS-PT ngày 30/5/2016 xác định phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Lư Hiếu H buộc ông T và bà Bé Hai phải có trách nhiệm giao trả lại phần đất theo lược đồ giải thửa số 03 ngày 27/01/2015 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện P theo đo đạc thực tế là 587m² (Buộc ông Nguyễn Ngọc T trả bằng giá trị cho ông Lư Hiếu H)

Tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 5770/QĐ-UBND ngày 06/12/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P kết luận: “Đối chiếu với lược đồ giải thửa ngày 27/01/2015 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện P thì phần đất bị thu hồi do ảnh hưởng dự án Mở rộng Quốc lộ 1 mà bà L khiếu nại không thuộc phần đất tranh chấp được giải quyết tại bản án số 94/2016/DS-PT”, và cũng tại Quyết định

giải quyết khiếu nại nêu trên kết luận: “Theo Quyết định số 4264/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của UBND huyện P, thì phần đất mà Nhà nước thu hồi với tổng diện tích 103,3m² (81,3m² + 22m²), thửa đất số 252 + 251, tờ bản đồ số 02 là thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00131, CH00132 cấp ngày 18/5/2010 cho ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Bé H”.

Từ những căn cứ nêu trên cho thấy phần đất có diện tích 103,3m² bị thu hồi nằm trong tổng diện tích 703,5m² thuộc thửa 251, 252 mà ông Lư Hiếu H và gia đình ông T tranh chấp từ trước đến nay chưa được giải quyết mà 02 thửa đất này chính là thửa 105 theo bản đồ 299 do ông Lư Hiếu H đứng tên trên sổ mục kê nên việc ông Lư Hiếu H khởi kiện yêu cầu công nhận số tiền bồi thường 47.107.000 đồng của phần diện tích đất bị thu hồi cho ông là có cơ sở và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Đối với số tiền 47.107.000 đồng mà Ủy ban nhân dân huyện P đang quản lý là tiền bồi thường phần đất bị thu hồi theo Quyết định số 4264/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 cho ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Bé H nhưng chưa chi trả cho ai do có tranh chấp thì theo đó Ủy ban nhân dân huyện Phụng Hiệp tiếp tục chi trả khi bản án có hiệu pháp luật.

[3]. Về án phí. Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc ông T bà Bé Hai chịu án phí theo quy định. Ông H được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí khởi kiện đã nộp trước đây.

[4]. Về phát biểu đề nghị của kiểm sát viên tại phiên toà. Xét, phát biểu về thủ tục tố tụng và đề nghị về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, Toà chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 91, Điều 147, 227, 228, 267 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 164, 170, 173 Bộ luật dân sự năm 2005.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí kèm theo.

Tuyên xử:

1. Công nhận số tiền 47.107.000 (Bốn mươi bảy triệu một trăm lẻ bảy nghìn) đồng là tiền bồi thường phần đất diện tích 103,3m² thuộc thửa 251, 252, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp TL, xã T, huyện P, tỉnh H theo Quyết định số 4264/QĐ-UBND ngày 27/6/2016 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Lư Hiếu H do bà Nguyễn Thị L làm đại diện.

2. Về án phí:

- Buộc ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Bé H phải liên đới chịu 2.355.000đ (Hai triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Lư Hiếu H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 1.177.000 (Một triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn) đồng theo biên lai thu số 0016888 ngày 03/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện P.
- Chi cục THADS huyện P.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Minh Mẫn